

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG^(*)

Từ tình hình thực trạng nêu trên (xem Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* số 7/2010), có thể rút ra một số đặc điểm của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

1. Bộ mặt tôn giáo ở Việt Nam đã có những thay đổi cơ bản

12 tôn giáo và 32 tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận như đã đề cập là một bằng chứng sinh động về sự thay đổi diện mạo tôn giáo ở Việt Nam. Chức sắc, tín đồ các tôn giáo và tổ chức tôn giáo được công nhận rất phấn khởi, tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực tôn giáo. Một điều đáng lưu ý trong số tôn giáo và tổ chức tôn giáo được công nhận, có tôn giáo chỉ có tín đồ trên một nghìn người như Minh Lý đạo Tam tông miếu. Sở dĩ như vậy là vì Nhà nước đã thực hiện nghiêm túc Điều 16 Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo:

1. Tổ chức được công nhận là tổ chức tôn giáo khi có đủ các điều kiện sau đây:

a. Là tổ chức của những người cùng tín ngưỡng, có giáo lí, giáo luật, lễ nghi không trái với thuần phong, mỹ tục, lợi ích của dân tộc;

b. Có hiến chương, điều lệ thể hiện tôn chỉ mục đích, đường hướng hành đạo gắn

bó với dân tộc và không trái với quy định của pháp luật;

c. Có đăng kí hoạt động tôn giáo và hoạt động tôn giáo ổn định;

d. Có trụ sở, tổ chức và người đại diện hợp pháp;

d. Có tên gọi không trùng với tên gọi của tổ chức tôn giáo đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Mục d, khoản 2, Điều 8 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP về *Hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* quy định *Công nhận tổ chức tôn giáo* như sau:

d. Văn bản của cơ quan quản lí Nhà nước về Tôn giáo cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức xác nhận hoạt động tôn giáo ổn định. Thời gian hoạt động tôn giáo ổn định tính từ ngày tổ chức đó đăng kí hoạt động và được quy định như sau:

- 20 năm đối với tổ chức hình thành ở Việt Nam sau ngày Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo có hiệu lực.

- 01 năm đối với tổ chức đã hình thành ở Việt Nam từ 20 năm trở lên trước ngày Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo có hiệu lực.

*. PGS. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Đối với tổ chức đã hình thành ở Việt Nam chưa đủ 20 năm đến ngày Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo có hiệu lực, thời gian hoạt động tôn giáo ổn định sẽ gồm số thời gian tổ chức đó có được từ lúc hình thành đến ngày Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo có hiệu lực cộng với thời gian tính từ thời điểm tổ chức đó đăng kí hoạt động cho đến khi đủ hai mươi năm.

Với quy định và hướng dẫn trên chắc chắn thời gian tới diện mạo tôn giáo ở Việt Nam sẽ không dừng lại ở con số 12 tôn giáo và 32 tổ chức tôn giáo.

2. Sự trở lại của niềm tin tôn giáo

Với Công giáo, trước Đổi Mới, một khái niệm thường được dùng là có một bộ phận tín đồ khô đạo, nhạt đạo. Tình trạng này đã được khắc phục một cách cơ bản. Kết quả điều xã hội học tôn giáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo (Viện Khoa học xã hội Việt Nam) những năm 2005, 2007, 2008 cho thấy 95% số tín đồ Công giáo được hỏi đều khẳng định niềm tin vào giáo lí, tín lí và thực hành đầy đủ nghi lễ tôn giáo.

Với Phật giáo, niềm tin tôn giáo của tín đồ không chỉ trở lại với người dân làng xã mà còn trở lại với thị dân và một bộ phận công nhân, viên chức, cán bộ (trong đó có đảng viên), bộ đội phục viên, hưu trí. Ở nhiều làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ, họ còn tham gia vào Ban Hộ tự, Ban Khánh tiết tu bổ chùa cảnh, sắp xếp, tổ chức lễ hội. Những cán bộ hưu trí có thời gian rỗi để học đạo, tham dự khoá lễ, tổ chức những “tua” du lịch tâm linh.

Tín đồ đạo Tin Lành, nhất là tín đồ đạo Tin Lành ở miền núi phía Bắc, sau

một thời gian gia nhập đạo theo phong trào, trải thời gian có sự phân hoá rõ nét. Một bộ phận nhân dân khi không có niềm tin, không có nhu cầu gia nhập tôn giáo mới đã quay trở lại với tín ngưỡng truyền thống. Niềm tin tôn giáo vì vậy đã được phản ánh đúng thực chất.

Các tôn giáo và tổ chức tôn giáo khác khi được Nhà nước công nhận cho phép hoạt động, tín đồ đều được tạo điều kiện tham dự nghi lễ tôn giáo, học đạo, củng cố niềm tin tôn giáo. Một số lượng khổng lồ các Kinh sách được các tôn giáo in ấn phục vụ cho củng cố, phát triển đạo. Trong số lượng Kinh sách này có một phần được dịch ra tiếng dân tộc thiểu số để phục vụ cho tín đồ là người dân tộc thiểu số theo đạo.

3. Các tôn giáo ngày càng được củng cố và phát triển

Trước hết phải kể đến việc các tôn giáo củng cố và kiện toàn hệ thống hành chính đạo.

Giáo hội Phật giáo trải 6 kì đại hội, đã từng bước trưởng thành và phát triển. Thành viên trong Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự đều tăng. Ban Trị sự tỉnh/thành hội tăng gần gấp đôi. Với Công giáo: Hội đồng Giám mục Việt Nam đại hội lần thứ nhất có 3 Uỷ ban, tăng lên 15 Uỷ ban ở đại hội lần thứ 10. Hệ thống hành chính đạo của Công giáo được củng cố và kiện toàn. Năm 2005 một giáo phận mới được thiết lập - Giáo phận Bà Rịa (Bà Rịa - Vũng Tàu). Hàng trăm giáo xứ, họ đạo được thành lập mới.

Các tôn giáo như Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo sau khi được Nhà nước cấp phép hoạt động đã tiến hành tổ chức đại hội, kiện toàn hệ thống hành chính đạo. Đạo

Cao Đài trước năm 1975 có 4 hoặc 5 cấp, nay thu gọn còn 2 cấp: Trung ương và cơ sở (được gọi là hương đạo). Phật giáo Hoà Hảo vốn trước chỉ có cư sĩ tại gia đình, nay được tổ chức theo hệ thống: Ban Trị sự Trung ương; Ban Đại diện cấp tỉnh; Ban Trị sự cấp cơ sở.

Với đạo Tin Lành, cùng với việc củng cố tổ chức, hiện đang triển khai việc thống nhất giữa Tổng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) và Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam). Đạo Tin Lành các hệ phái ở Tây Nguyên đang trong lộ trình tiến hành song song thành lập Hội thánh cơ sở với việc phong phẩm. Đạo Tin Lành ở miền núi phía Bắc là các điểm nhóm.

Tịnh Độ cư sĩ Phật hội kiện toàn 3 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện đi vào hoạt động thường xuyên.

Các tôn giáo và tổ chức tôn giáo khác cũng đã tích cực củng cố và kiện toàn hệ thống hành chính đạo.

4. Cùng với việc kiện toàn hành chính đạo, các tôn giáo đồng thời tiến hành đại hội các cấp kiện toàn tổ chức nhân sự

Các tôn giáo và tổ chức tôn giáo đều tiến hành đại hội các cấp theo nhiệm kỳ. Hội đồng Giám mục Việt Nam tổ chức kỳ Đại hội lần thứ 10; Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức Đại hội nhiệm kỳ VI (2008-2012); Tổng Liên hội Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) đại hội lần III (lần thứ 45 theo lịch sử Giáo hội); Đại hội đồng lần thứ 33 Tổng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) được tổ chức vào các ngày 24-25/02/2009 tại nhà thờ chi hội Tin Lành Hoàn Nhị (Nam Định). Cho đến thời điểm 2009, các hệ phái của đạo Cao Đài đều đã tổ chức Đại hội toàn

phái lần thứ 3; Ngày 21/5/ 2009, Đại hội nhiệm kỳ III (2009-2014) của Phật giáo Hoà Hảo được tiến hành; Đạo Baha'i tổ chức Đại hội nhiệm kỳ II (200-2010), v.v...

Báo cáo tổng kết công tác quản lý Nhà nước về Tôn giáo năm 2007 nhiệm kỳ công tác năm 2008 của Ban Tôn giáo Chính phủ cho biết, năm 2007 “các tỉnh, thành phố đã chủ động tham mưu cho cấp uỷ chính quyền chủ động, tích cực trong việc hướng dẫn, xem xét và giải quyết những nhu cầu của các tổ chức tôn giáo trong quá trình tổ chức đại hội cấp cơ sở như: Đại hội Phật giáo cấp tỉnh; bầu ban Đại diện Tin Lành cấp tỉnh; Đại diện Hội đồng Chứng quản Cao Đài Tây Ninh ở các tỉnh, thành phố; Kiện toàn Ban Trị sự Phật giáo Hoà Hảo cấp tỉnh; Chia tách thành lập xứ, họ đạo, các Ban Hành giáo xứ của Công giáo”.

Về nhân sự Công giáo khắc phục được tình trạng “Trống toà”. Các giáo phận đều có giám mục trị sở. Phật giáo nhiệm kỳ I có 50 thành viên trong Hội đồng Chứng Minh đến nhiệm kỳ VI có 98 thành viên. Số thành viên trong Hội đồng Trị sự từ 49 (nhiệm kỳ I) lên 147 (nhiệm kỳ VI).

Các tôn giáo đặc biệt quan tâm đến vấn đề giáo dục đào tạo chức sắc nhà tu hành. Phật giáo tổ chức giáo dục và đào tạo theo 3 cấp: Cơ bản Phật học; Trung cấp Phật học; Học viện Phật giáo. Năm 2007, lập thêm 01 trường trung cấp Phật học ở tỉnh Tiền Giang. Cùng năm, Học viện Phật giáo Nam tông Khơme đặt tại Cần Thơ được thành lập. Công giáo có 06 Đại chủng viện, trong đó có hai Đại chủng viện có cơ sở II. Đạo Tin Lành thành lập Viện Thánh kinh Thần học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các tôn giáo

như Phật giáo, Công giáo hiện có hàng trăm chức sắc, người tu hành đang được tu nghiệp, đào tạo ở nước ngoài trong đó có một số lượng lớn theo học chương trình sau đại học.

Các hệ phái Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo chưa có điều kiện mở trường đào tạo nhưng dựa vào cơ sở thờ tự để mở lớp bồi dưỡng giáo lý, lớp bồi dưỡng giáo lý hạnh đường cho chức sắc, chức việc.

Bên cạnh các trường lớp đào tạo chức sắc, thông qua các hoạt động sinh hoạt tôn giáo như: tinh tâm của Công giáo, bồi linh hiệp nguyện của đạo Tin Lành, an cư kiết hạ và các khoá bồi dưỡng ngắn hạn về trụ trì, hoằng pháp của Phật giáo, v.v... đội ngũ chức sắc, nhà tu hành có thêm điều kiện để nghiên cứu, tìm hiểu bồi dưỡng kiến thức về tôn giáo.

5. Các tôn giáo ngày càng gắn bó với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc

Từ sau khi đất nước thống nhất (1975), đặc biệt từ Đổi Mới với những thành tựu lớn lao mà đất nước đạt được đã là nền tảng và động lực quan trọng để các tôn giáo ngày càng gắn bó với dân tộc, đồng hành cùng dân tộc. Đồng hành cùng dân tộc của các tôn giáo bao gồm nhiều nội dung nhưng có hai nội dung nổi bật: Một là, giáo hội các tôn giáo xác quyết đường hướng hành động gắn bó với dân tộc, vì lợi ích dân tộc, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Hai là, văn hoá tôn giáo ngày càng hội nhập mạnh mẽ với văn hoá dân tộc, góp phần vào việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Giáo hội các tôn giáo xác quyết đường hướng đồng hành gắn bó với dân tộc, vì

lợi ích dân tộc, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tại Đại hội Phật giáo lần thứ nhất (11/1981), Giáo hội Phật giáo đã định rõ đường hướng hành đạo là: **Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội**. Đường hướng hành đạo này có nền tảng từ hàng nghìn năm của Phật giáo Việt Nam. Nhưng không phải vì thế mà nó được xác quyết dễ dàng, nhất là khi mà chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, khi mà các thế lực thù địch luôn tìm cách chia rẽ sự đoàn kết trong Phật giáo. Song trước những biến cố “có tính thời đại”, Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn kiên định con đường mà mình đã chọn “Gắn đạo với đời, phát huy truyền thống yêu nước và đại đoàn kết dân tộc, đồng hành cùng sự phát triển của đất nước hướng tới xây dựng cuộc sống giàu đẹp, văn minh, hiện đại”⁽¹⁾.

Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào là đường hướng đồng hành cùng dân tộc của Giáo hội Công giáo Việt Nam. Đường hướng này được thể hiện trong Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam. Lịch sử truyền giáo phát triển đạo Công giáo ở Việt Nam đến thời điểm 1980 đã là hơn ba trăm năm mươi năm, nhưng đây là lần đầu tiên, xét về mặt quan phương, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam mới “thay đổi nào trạng” tuyên bố “gắn bó với dân tộc và đất nước”. Bởi vì: “Là Hội thành trong lòng Dân tộc Việt Nam,

1. Hoà Thượng Thích Thanh Tứ. *Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay*, trong: *Phật giáo với văn hoá - xã hội Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá hiện đại hoá*, (Nguyễn Hồng Dương, Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nxb. KHXH, Hà Nội, 2008, tr. 14.

chúng ta quyết tâm gắn bó với vận mạng quê hương, noi theo truyền thống dân tộc hoà mình vào cuộc sống hiện tại của đất nước⁽²⁾. Đường hướng được thể hiện cụ thể trong hai nội dung; mà nội dung thứ nhất là: *Tích cực góp phần cùng đồng bào cả nước bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.*

Các tôn giáo khác như Tin Lành, Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, v.v... sau khi được Nhà nước công nhận đều đã tỏ rõ đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc.

Đường hướng mà đạo Tin Lành Việt Nam xác tín là: *Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc.* Với một số hệ phái Tin Lành, trong Hiến chương, nội dung có thể được mở rộng thêm. Chẳng hạn Hiến chương của Hội thánh Báp-tít Việt Nam (Nam Phương) xác định: “Sống Phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phụng sự Tổ quốc gắn bó với dân tộc và tuân thủ pháp luật”⁽³⁾.

Phương châm hành đạo của đạo Cao Đài là: *Nước Vinh, Đạo Sáng.* Sau khi hoàn nguyên được hoạt động với tư cách pháp nhân, các hệ phái Cao Đài tuân thủ theo Hiến chương, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Với Phật giáo Hoà Hảo, đường hướng hành đạo được xác định là: *Phụng đạo - yêu nước và gắn bó với dân tộc.*

6. Văn hoá tôn giáo ngày càng hội nhập mạnh mẽ với văn hoá dân tộc, góp phần vào việc xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

Hội nhập với văn hoá dân tộc, góp phần xây dựng nền văn hoá dân tộc với Phật giáo là một quá trình liên tục từ hàng ngàn năm nay. Trong điều kiện đất nước đổi mới, văn hoá Phật giáo càng có điều kiện để hội nhập. Đánh giá về vấn

đề này, nhân Đại hội VI Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hoà thượng Thích Thanh Tứ, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam viết: “Công tác văn hoá, hoằng pháp của Giáo hội đạt được nhiều kết quả đáng chú ý. Nhiều chùa chiền, tự viện được sửa chữa, tu bổ, xây mới, nhất là những ngôi cổ tự gắn liền với lịch sử Phật giáo Việt Nam và trở thành những trung tâm tu tập và thuyết giảng giáo lý nhằm giữ bản sắc văn hoá dân tộc”⁽⁴⁾.

Lễ hội Phật giáo bao gồm lễ hội làng, lễ hội vùng và lễ hội quốc gia (như Chùa Hương, Yên Tử) nhất là hội làng với những hình thức hát, hò, trò, tích góp phần khơi dậy văn hoá truyền thống của dân tộc, tạo nội lực văn hoá cho dân tộc. Điều này là hết sức cần thiết khi mà đất nước đang trong điều kiện toàn cầu hoá, giao lưu hội nhập kéo theo đó là sự xâm nhập của văn hoá độc hại ngoại lai.

Với Công giáo, Thư chung 1980 lần đầu tiên Giáo hội Công giáo Việt Nam đề cập đến hội nhập văn hoá Công giáo với văn hoá Việt Nam, xem đây là một trong hai nội dung để Công giáo đồng hành cùng dân tộc. Đó là “xây dựng trong Hội thánh một lối sống và một lối diễn tả đức tin phù hợp với truyền thống dân tộc”.

Hội nhập văn hoá Công giáo với văn hoá dân tộc dưới các chiều kích khác nhau được nhắc đến qua các Thư chung 1992, Thư mục vụ năm 2000, Thư chung

2. Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam.

3. Theo báo *Nhân dân* ra ngày 14 tháng 10 năm 2008.

4. Hoà Thượng Thích Thanh Tứ. *Phật giáo Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay*. Đã dẫn, tr. 11.

năm 2001, hoặc một số bài phát biểu của các Giám mục Việt Nam tại Thượng Hội đồng Giám mục Châu Á họp năm 1998⁽⁵⁾.

Các tôn giáo như Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương gắn bó, hoà trộn với văn hoá vùng Nam Bộ, góp phần giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống nơi đây. Đạo Bani, một biến thể của Islam giáo khi phát triển vào cư dân Chăm đã và đang giữ vai trò quan trọng duy trì bản sắc văn hoá Chăm.

Nhờ có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, gắn đạo với đời và đường hướng ấy được các giáo hội kiên định thực hiện mà các tôn giáo ở Việt Nam, tuy theo nguồn lực, đóng góp cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

7. Tôn giáo ở Việt Nam còn ẩn chứa nhiều yếu tố tiêu cực

Tiêu cực lớn nhất là các thế lực phản động lợi dụng việc truyền giáo phát triển đạo Tin Lành trong vùng đông bào dân tộc thiểu số ở miền núi phía Bắc và Tây Nguyên để chống phá Cách mạng. Nhóm phản động Fulro lập ra Tin Lành Đêga - một tổ chức phản động, gắn với cái gọi là “Nhà nước Đêga” với mưu đồ li khai, đòi tự trị. Đạo Tin Lành phát triển trong đông bào dân tộc thiểu số đã làm xáo trộn đời sống kinh tế - xã hội của người dân nơi đây, tạo mâu thuẫn giữa những người theo đạo Tin Lành và những người không theo đạo Tin Lành. Rất nhiều yếu tố văn hoá, tín ngưỡng truyền thống như văn hoá Công chiêng, thổi và múa khèn, tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, tục bỏ mả, v.v... đã bị Tin Lành huỷ diệt.

Nhìn chung các tôn giáo ở Việt Nam còn nặng yếu tố tiêu nông. Các tôn giáo thường chú trọng đến xây cất cơ sở thờ tự, tiêu tốn sức người sức của của các tín đồ. Không ít cơ sở thờ tự mang dấu ấn văn hoá truyền thống bị phá bỏ để xây dựng mới nhưng lại theo mô hình kiến trúc nước ngoài, lai tạp, hay lối “tân cổ giao duyên” tô màu xanh đỏ loè loẹt. Một số lễ hội tôn giáo được tổ chức to, cốt để kinh doanh hơn là góp phần gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc.

Về kinh sách, giáo lí và thực hành lễ nghi còn chậm đổi mới, quan niệm trên dưới còn nặng nề, đặc biệt là vấn đề đề bạt nhân sự, gây mất đoàn kết nội bộ, chia rẽ tín đồ.

Xuất hiện cộng đồng dân tộc - tôn giáo mới

Việc thay đổi diện mạo tôn giáo ở Việt Nam với 32 tổ chức đã làm thay đổi đáng kể diện mạo tôn giáo ở Việt Nam. Trước đây diện mạo tôn giáo ở Việt Nam thường được hiểu một cách đơn giản gồm hai bộ phận: Lương (cư dân không Công giáo), Giáo (cư dân theo Công giáo), nay mỗi tôn giáo trong điều kiện mới về chính trị, kinh tế, xã hội đang theo xu hướng cố kết thành cộng đồng dân tộc tôn giáo. Người Chăm theo Islam giáo tách ra thành ba khối: Chăm Bani, Chăm Islam Thành phố Hồ Chí Minh, và Chăm An Giang. Còn lại là Chăm Bà lamôn. Gần đây có thêm cộng đồng Chăm theo Công giáo. Người Hmông, người Dao chia thành hai bộ phận, một theo Tin Lành,

5. Xem Nguyễn Hồng Dương. *Hội đồng Giám mục Việt Nam cơ cấu tổ chức các kỳ đại hội và đường hướng mục vụ*, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, 2008.

một vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống. ở Tây Nguyên, trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số cũng có trường hợp tương tự. Trong một tộc người có bộ phận theo Công giáo, một bộ phận theo đạo Tin Lành, một bộ phận vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống.

Sở dĩ gọi là cộng đồng dân tộc tôn giáo vì cộng đồng cùng theo chung một tôn giáo được cố kết bởi tôn giáo. Họ thường cư trú trong một đơn vị: xóm, thôn, làng (bản hay phun sóc, Play,...). Đơn vị này được giáo hội các tôn giáo vận dụng tổ chức thành đơn vị hành chính đạo như hương đạo, xứ, họ đạo, chi hội, v.v...

Sự xuất hiện các cộng đồng dân tộc tôn giáo làm nảy sinh mâu thuẫn giữa những cư dân cùng một tộc người nhưng lại theo tôn giáo khác nhau. Chẳng hạn người Chăm theo đạo Bàni mâu thuẫn với cộng đồng người Chăm theo Islam giáo. Người Hmông theo đạo Tin Lành mâu thuẫn với người Hmông giữ tín ngưỡng truyền thống. Trong tương lai vấn đề cộng đồng dân tộc tôn giáo vẫn còn là một vấn đề phức tạp.

Hiện tượng tôn giáo mới luôn diễn biến phức tạp

Từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX đến nay trên đất nước ta xuất hiện nhiều hiện tượng tôn giáo mới mà một số cơ quan chức năng gọi là tà giáo. Cách gọi của một số cơ quan chức năng cho thấy phần nào tính phức tạp của những hiện tượng tôn giáo mới. Hiện chưa có một thống kê đầy đủ có bao nhiêu hiện tượng tôn giáo mới đang tồn tại ở Việt Nam. Con số ước chừng khoảng 50 - 60 hiện

tượng. Nhận xét chung, các hiện tượng tôn giáo mới ở Việt Nam lành ít dữ nhiều. Một số hiện tượng tôn giáo mới có nghi lễ phản văn hoá như đạo Chân không. Khi tín đồ thực hành nghi lễ đã cởi bỏ hết quần áo. Vì vậy dân gian gọi đó là “đạo sex”. Phần đông những người cầm đầu các hiện tượng tôn giáo mới trình độ học vấn thấp nên đối thoại với họ là rất khó khăn. Đối thoại với các “tín đồ” lại càng khó khăn hơn vì họ là những người nông dân chất phác dễ tin, dễ theo. Quản lí các hiện tượng tôn giáo mới như thế nào đối với các cơ quan chức năng hiện vẫn đang lúng túng do cách nhìn nhận và do chưa có văn bản chế tài.

Yếu tố tiêu cực trong tôn giáo cần được kể đến là nạn buôn thần bán thánh có chiều gia tăng. Sự xuống cấp đạo đức của một số giáo sĩ. Hiện tượng ông đồng, bà cốt xuất hiện tràn lan với diện phủ tư nhân xây dựng tốn kém từ hàng chục đến hàng trăm triệu đồng.

*

* *

Sự đổi mới về quan điểm, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo kéo theo sự thay đổi về tình hình, thực trạng và đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam. Vì suy cho cùng, tôn giáo là một lực lượng xã hội nên chịu sự tác động của biến đổi xã hội là một tất yếu khách quan. Về chủ quan mỗi tôn giáo phải dựa vào nguyên nhân nội tại để điều chỉnh, canh tân hay chấn hưng cho phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh đất nước. Nếu không, tôn giáo đó sẽ không có chỗ đứng trong lòng dân tộc./